

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 705/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 6 năm 2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/Bà Võ Thị Hồng Vân- Hội liên hiệp phụ nữ phường Thới An
2/ Ông Võ Văn Tốt- Cán bộ hưu trí
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hà - Cán bộ Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh*
tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 291/2018/TLST-HNGĐ Ngày 20/3/2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 132/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐHPT-ST ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Mai Kim Ng**, sinh năm: 1970.

HKTT: A, tổ 25, khu phố 2, phường An Phú Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Nhà không số, tổ 15, khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Tấn T**, sinh năm: 1970.

HKTT: A, tổ 25, khu phố 2, phường An Phú Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Kim Ng trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1989, Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/90 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/1989. Trong thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng tăng và không thể hàn gắn, tôi cảm thấy hai vợ chồng không thể nào hòa hợp chung sống với nhau được nữa, một phần do ông T có người phụ nữ khác, chúng tôi đã ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay. Nay, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Có 02 con chung, Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1990 (đã trưởng thành) và Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1995 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Tấn T nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyệt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện ly hôn, ông Nguyễn Tấn T là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Tấn T vắng mặt không lý do, bà Mai Kim Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà Nguyệt.

- Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Mai Kim Ng và ông Nguyễn Tấn T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01/90 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/1989, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân bà Mai Kim Ng và ông Nguyễn Tấn T là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Kim Ng và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm.

Bà Mai Kim Ng yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không phù hợp quan điểm sống. Tại biên bản xác minh của Công an phường An Phú Đ có ghi nhận “Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970, có KHTT và thực tế cư trú tại A, tổ 25, khu phố 2, phường An Phú Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh”. Trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án có triệu tập ông T nhưng ông T vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến, ông T đã từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại Điều 91; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những lời khai của nguyên đơn là chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xác minh. Tại kết quả xác minh của Hội phụ nữ phường An Phú Đ xác định mâu thuẫn: “Qua xác minh, thực tế hai bên không thể hàn gắn lại được nữa”

Từ những tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyệt và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó xét thấy yêu cầu của bà Nguyệt là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung, Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1990 (đã trưởng thành) và Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1995 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Mai Kim Ng phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Kim Ng được ly hôn đối với ông Nguyễn Tấn T .

Giấy chứng kết hôn số 05, quyển số 01/90 do Ủy ban nhân dân xã An Phú Đ , huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/1989 cấp cho bà Mai Kim Ng và ông Nguyễn Tấn T không còn giá trị.

2/ Về con chung: Có 02 con chung, Nguyễn Tiến Q , sinh năm 1990 (đã trưởng thành) và Nguyễn Cẩm T , sinh năm 1995 (đã trưởng thành).

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Mai Kim Ng phải chịu. Được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0035903 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyệt đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Bà Mai Kim Ng và ông Nguyễn Tấn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- UBND phường An Phú Đ ;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất